



3	<b>Mục tiêu 3: Trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới</b>	3.1. Số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ so với nam (giảm còn)	1,6 lần	1,55 lần	1,5 lần	1,45 lần	1,4 lần	Thống kê tỉnh	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, các cơ quan liên quan, UBND cấp xã
		3.2.1. Người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản	70%	75%	80%	85%	90%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Y tế, Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Các cơ sở trợ giúp xã hội
		3.2.2. Người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn	55%	58%	62%	66%	70%		
		3.3. Nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Y tế	Công an tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, UBND cấp xã
		3.4. Cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	80%	85%	90%	95%	100%	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã có liên quan; Các cơ sở trợ giúp xã hội

4	<b>Mục tiêu 4: Trong lĩnh vực Y tế</b>	4.1. Tỷ số giới tính khi sinh (bé trai/100 bé gái sinh ra sống)	<107	<107	<107	<107	104-107	Sở Y tế	Thống kê tỉnh, UBND cấp xã
		4.2. Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản giảm xuống (trên 100.000 trẻ sinh sống)	46	45	44	43	<42	Sở Y tế	Thống kê tỉnh; Các bệnh viện, trung tâm y tế
		4.3. Tỷ suất sinh ở vị thành niên giảm xuống (trên 1.000 phụ nữ)	21 ca sinh	20 ca sinh	19 ca sinh	18,5 ca sinh	<18 ca sinh	Sở Y tế	Thống kê tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Tỉnh đoàn; UBND cấp xã
		4.4. Cơ sở y tế tuyến tỉnh cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người đồng tính, song tính và chuyển giới	Chuẩn bị	Triển khai	Duy trì	Duy trì	Ít nhất 01 cơ sở	Sở Y tế	Các bệnh viện cấp tỉnh
		5.1. Nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân và được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm	Thực hiện	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường Chính trị tỉnh; Các trường Đại học, Cao đẳng; UBND cấp xã
		5.2.1 Tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học	97%	97.5%	98%	98.5%	99%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND cấp xã

5	<b>Mục tiêu 5: Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo</b>	5.2.2. Tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số hoàn thành cấp THCS	86%	87%	88%	89%	90%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND cấp xã
		5.3. Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp	36%	37%	38%	39%	40%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường Đại học, Cao đẳng
		5.4.1. Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ	>=50%	>=50%	>=50%	>=50%	>=50%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thống kê tỉnh; Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
		5.4.2. Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ	27%	29%	31%	33%	35%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thống kê tỉnh; Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
6	<b>Mục tiêu 6: Thông tin, Truyền thông</b>	6.1. Dân số trong độ tuổi quy định được tiếp cận kiến thức cơ bản về BĐG	65%	68%	72%	76%	80%	Sở Nội vụ	Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk; Các sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND cấp xã
		6.2. Tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Trường Chính trị tỉnh; Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk; các sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND cấp xã

<b>Truyền thông</b>	6.3. Tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở (mỗi quý)	>=4 tin	>=4 tin	>=4 tin	>=4 tin	>=4 tin	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các xã, phường
	6.4. Báo và Phát thanh, Truyền hình trên địa bàn tỉnh có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hàng tháng	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk; UBND cấp xã